

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30/8/2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Sầm Dắt Phấn; Bà Trần Thị Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Viên – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 277/2019/TLST-HNGĐ ngày 14/6/2019 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Hồng U - sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số nhà 125, khu 4, ấp 7, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L - sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số nhà 125, khu 4, ấp 7, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 21/5/2019, bản tự khai ngày 28/6/2019, ngU đơn chị Phạm Thị Hồng U trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/3/2017. Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn;

nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, sự khác nhau về tôn giáo nên thường xuyên cãi vã, bất hòa với nhau. Mâu thuẫn vợ chồng chị đã được gia đình hai bên khuyên can, hòa giải nhưng ngày càng gay gắt. Vì không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị và anh L đã sống ly thân với nhau từ tháng 5/2019 cho đến nay. Nay chị không còn tình cảm vợ chồng với anh L nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh L.

Chị và anh L có 01 con chung là Nguyễn Phúc T – sinh ngày 06/10/2017. Trong thời gian sống ly thân, gia đình anh L đã dùng vũ lực và giành chăm sóc, quản lý cháu T; chị đã nhiều lần đến đòi lại con nhưng không được. Chị yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Chị và anh L không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản nêu ý kiến ngày 24/6/2019, đơn xin xác nhận ngày 27/6/2019, lời khai tại biên bản giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 12/8/2019, bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:

Anh đồng ý với trình bày của chị U về quá trình kết hôn cũng như thông tin về con chung. Vợ chồng mâu thuẫn là có thật, tình cảm vợ chồng hiện nay không còn nên anh đồng ý ly hôn với chị U.

Khi sống ly thân, chị U đã bỏ mặc con chung là cháu Nguyễn Phúc T cho mẹ anh nuôi dưỡng. Anh phải làm việc kiếm thu nhập để gửi về nhờ mẹ anh nuôi dưỡng và hiện cháu T đang phát triển rất tốt. Do đó, khi ly hôn, anh yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu chị U cấp dưỡng nuôi con.

Anh và chị U không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án và giao các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Tình trạng hôn nhân giữa chị U và anh L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị U.

Về con chung là cháu Nguyễn Phúc T: Chị U và anh L đều có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và chứng minh được là người nào cũng có đủ điều kiện nuôi con. Tuy nhiên, tính đến thời điểm Tòa án xét xử vụ án thì cháu T chưa đủ 36 tháng tuổi. Vì vậy, căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Tòa án giao cháu T cho chị U trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; tạm thời anh L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị U không có yêu cầu.

Kiểm sát viên còn nêu quan điểm về xử lý tài sản chung, nợ chung và án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Nguyễn Văn L cư trú tại ấp 7, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân huyện Đ có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ kiện.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Phạm Thị Hồng U khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu được nuôi con nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Chị U, anh L đều có đơn xin xét xử vắng mặt (BL 36, 48). Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Hồng U và anh Nguyễn Văn L tự nguyện kết hôn; hôn nhân không vi phạm điều cấm của pháp luật nên được công nhận hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Minh U, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị U và anh L đều thừa nhận cuộc sống vợ chồng giữa chị U và anh L đã xảy ra những bất đồng, mâu thuẫn và hai người đã tự chấm dứt đời sống chung của vợ chồng từ đầu năm 2019 đến nay; anh L đồng ý ly hôn với chị U (BL 20, 21, 24). Vì lẽ đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị U và anh L đã trầm trọng; cuộc sống chung không còn; mục đích hôn nhân không đạt được, chị U yêu cầu xin ly hôn với anh L là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2] Về quan hệ con chung: Vợ chồng chị U anh L 01 con chung là Nguyễn Phúc T – sinh ngày 06/10/2017. Chị U, anh L đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T khi ly hôn.

Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ thể hiện: Chị U có đạo đức nhân cách tốt và đủ điều kiện nuôi con; khi gia đình anh L giành cháu T để nuôi dưỡng thì chị U đã nhiều lần đến để đòi lại con nhưng gia đình anh L không giao cháu T cho chị U (BL 37, 38, 39, 40, 40A, 40B); điều đó thể hiện chị U không hề có ý định bỏ con như anh L đã trình bày. Mặt khác, tính đến thời điểm xét xử vụ án thì cháu T chỉ mới 02 tuổi 01 tháng 24 ngày và tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình có quy định “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi..”. Do đó, để thể hiện sự nghiêm minh tuân thủ pháp luật và để đảm

bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử xét cần giao cháu Nguyễn Phúc T cho chị U trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Thị Hồng U phải chịu 300.000đ theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

TU xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị Hồng U và anh Nguyễn Văn L được ly hôn.

2. Về con chung: Buộc anh Nguyễn Văn L giao cháu Nguyễn Phúc T – sinh ngày 06/10/2017 cho chị Phạm Thị Hồng U để chị U trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn L tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con do chị U không yêu cầu.

Anh L có quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, chị U, anh L có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng: Chị Phạm Thị Hồng U phải chịu 300.000đ. Chị U đã nộp 300.000 đồng (theo biên lai số 0002306 ngày 14/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ) nên chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Phạm Thị Hồng U, anh Nguyễn Văn L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã P;
- Lưu.

Lê Xuân Hòa